

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh,
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND huyện Nông Cống về việc phê duyệt nhiệm vụ dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống đến năm 2030;

Căn cứ Văn bản tham gia ý kiến nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh số 736/SXD-QH ngày 27/01/2022 của Sở Xây dựng; Văn bản số 265/SNN&PTNT-KHTC ngày 20/01/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 606/SGTVT-KHTC ngày 13/02/2022 của Sở Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo số 11/KTHT-QH ngày 24/02/2022 về quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 với nội dung như sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

b. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

Xã Tượng Lĩnh là xã đồng bằng, nằm về phía Đông Nam của huyện Nông Cống, cách khu trung tâm huyện khoảng 12 km, có diện tích tự nhiên 860,75 ha. Vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp xã Tượng Văn;
- Phía Tây giáp xã Tượng Sơn và Thăng Bình;
- Phía Nam giáp xã Anh Sơn - Tĩnh Gia và xã Tượng Sơn - Nông Cống;
- Phía Bắc giáp xã Tượng Văn, Thăng Bình, Trường Minh.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.

a) Mục tiêu: Tại đồ án quy hoạch nêu trên đã cụ thể hóa được các mục tiêu yêu cầu tại Nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 01/07/2021

b) Tính chất chức năng của xã: Quy hoạch xây dựng xã Tượng Lĩnh là quy hoạch xây dựng nông thôn; Chức năng chủ đạo của xã:

- Là khu vực phát triển nhanh, bền vững theo hướng đa ngành, lấy công nghiệp; nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tập trung, chất lượng cao là định hướng phát triển ưu tiên.

- Là khu vực cận đô thị, địa bàn cung cấp nguồn lao động cho các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn xã, huyện (Khu công nghiệp Nông Cống; Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh).

3. Quy mô dân số, lao động; Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

+ Đến năm 2025: khoảng 4.900 người, tỷ lệ tăng dân số khoảng 2,5%/năm.

+ Đến năm 2030: khoảng 5.880 người, tỷ lệ tăng dân số khoảng 4,0%/năm.

3.1.2. Quy mô lao động

- Đến năm 2025: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 2.940 người)

- Đến năm 2030: Dự báo số người trong tuổi lao động chiếm 60% dân số toàn xã (khoảng 3.530 người)

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

* Về sử dụng đất:

- Bình quân đất xây dựng: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất ở: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất cây xanh công cộng và dịch vụ: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$;
- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: 5-6 $\text{m}^2/\text{người}$;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 4-5 $\text{m}^2/\text{người}$).

(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)

*. **Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:**

- Cấp nước sinh hoạt: $\geq 60 \text{ lít/người/ngày-đêm}$;
- Cấp điện sinh hoạt: $\geq 150\text{W}/\text{người/ngày/đêm}$; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$;
- Nước thải sinh hoạt: $\geq 80\%$ lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9 kg rác/người/ngày/đêm. (lấy theo chỉ tiêu đô thị loại V).

4. Phân khu chức năng

4.1. Khu trung tâm xã: Khu trung tâm của xã hiện nay tương đối hoàn chỉnh. Nằm trên trục đường xã đi TL512, tại thôn Thọ Long, kết nối tất cả các thôn trong xã thông qua hệ thống giao thông nông thôn, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế, chợ...

4.2. Các khu dân cư tập trung: Chính trang các khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và phát triển dân cư theo hướng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

4.3. Các khu vực sản xuất nông nghiệp: Diện tích bao gồm tất cả các thôn, tập trung hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, rau an toàn, các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, khu trang trại...

4.4. Khu vực trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng: Tổng diện tích khoảng 137,16 ha.

4.5. Khu vực sản xuất kinh doanh:

- Phát triển các khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ dọc theo các tuyến đường liên xã, trục xã và các tuyến đường thôn hiện có và các khu vực mới dọc theo trục đường từ QL45 đi đường nối Vạn Thiện – Bến En và tuyến đường từ QL45 đi thôn Quỳ Thắng.

- Loại hình: Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và hộ cá thể; các cửa hàng, điểm bán hàng và hợp tác xã.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

Khu trung tâm xã bố trí hệ thống giao thông thuận lợi tới tất cả các thôn trong xã, là điểm giao giữa các tuyến đường giao thông nông thôn hiện trạng và tuyến quy hoạch mới, lấy đường trục xã nối TL512 làm đường trục chính kết nối các đường liên thôn, trục thôn hiện trạng, quy hoạch mới, nhằm khai thác tốt nhất hiện trạng và giảm thiểu biến động cơ cấu giao thông hiện có của khu vực.

Khu trung tâm xã bao gồm các khối công trình như Công sở UBND xã, trạm y tế, Trường tiểu học và THCS, trường mầm non, bưu điện, trung tâm văn hóa thể thao, hợp tác xã dịch vụ, đài tưởng niệm, khu dân cư hiện trạng và quy hoạch mới và nhiều công trình công cộng khác, quy mô phát triển khoảng 100ha.

- Không gian ở khu vực trung tâm xã được tổ chức đồng bộ từ chiều cao đến khoảng lùi và kiểu dáng kiến trúc, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan khang trang, thống nhất, hài hòa với các công trình công cộng, dịch vụ của xã.

- Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm đồng bộ và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng nông thôn và tiêu chí quốc gia.

- + Các khu dân cư mới định hướng phát triển thành các khu dân cư tập trung với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ và là điểm dân cư điển hình để nhân rộng trong tương lai cho toàn xã.

- + Các khu dân cư hiện trạng cần phải chỉnh trang, cải tạo nhà cửa, sân vườn làm sinh động không gian trong khu nhà ở, việc bố trí phải có trật tự và hài hòa giữa các hình thức nhà ở với nhau.

Việc quy hoạch sắp xếp lại khu vực trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối ngoại, cũng như đối nội đồng thời đảm bảo phục vụ cho người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

5.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới

- Hiện trạng trên địa bàn xã có 4 thôn cần được chỉnh trang trên cơ sở khai thác hiện trạng một cách tối đa, hạn chế việc di chuyển, thay đổi không cần thiết.

- Các điểm dân cư hiện trạng được cải tạo, chỉnh trang cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, trong vườn hộ, dọc các đường giao thông và các khu vực công cộng trong thôn.

- Sắp xếp, chỉnh trang khu dân cư, xen thêm các hộ dân mới trong khu dân cư hiện hữu trên cơ sở khai thác đất chưa sử dụng và đất sử dụng không hiệu quả.

- Để phục vụ nhu cầu về đất ở đáp ứng sự gia tăng dân số cần xây dựng thêm các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, các điểm xen cư trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, và lựa chọn các khu vực đất chưa sử dụng hoặc đất nông nghiệp năng suất thấp; trên cơ sở đó theo các giai đoạn được xác định như sau:

- + Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025: Sự hình thành và phát triển của cụm công nghiệp Tượng Lĩnh và Khu công nghiệp Nông Công sau khi các đi vào hoạt động được dự báo sẽ thu hút một lượng lớn lao động tới làm việc gây áp lực về nhu cầu nhà ở tại địa phương. Với quỹ đất hiện tại của xã hiện không thể đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân. Trong khi đó quỹ đất tại thôn Nga Long còn rất nhiều, lại có vị trí thuận lợi gần khu công nghiệp vì vậy quy hoạch bố trí xây dựng

thêm khu dân cư mới tại thôn Nga Long với diện tích 8,1ha nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân.

+ Giai đoạn dài hạn sau năm 2025 đến 2030: Giai đoạn này không gian và hạ tầng đã tương đối ổn định. Bổ sung quỹ đất ở mới tại thôn Thọ Long với diện tích 3,76ha. Cần tập trung xây dựng các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống điện nước sạch, phát triển cảnh quan xung quanh các điểm dân cư mới.

Các khu dân cư xây dựng mới phải được xây dựng đồng bộ, có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Định hướng khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

Theo quy hoạch phân vùng huyện Nông Cống đến năm 2030 xã Tượng Lĩnh nằm trong khu vực định hướng tập trung phát triển kinh tế công nghiệp làng nghề với khu công nghiệp Nông Cống và cụm Công nghiệp Tượng Lĩnh. Trong đó loại hình được ưu tiên phát triển là tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Khu vực được định hướng phát triển là khu vực phía Tây đường Nghi Sơn – Sao Vàng.

- Xây dựng Khu công nghiệp Tượng Lĩnh -Thăng Bình - Trường Minh, trong đó diện tích tại xã Tượng Lĩnh là 40,41 ha;

- Xây dựng Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh – Thăng Bình, trong đó diện tích tại xã Tượng Lĩnh là 12,49 ha.

b) Định hướng khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ:

Xác định khu vực phát triển dịch vụ thương mại tại đường nối giữa TL 512 và trục đường Nghi Sơn – Sao Vàng. Cụ thể:

Quy hoạch khu dịch vụ thương mại tại thôn Nhuyễn Phú Lâm, dọc hai bên tuyến đường nối giữa đường Nghi Sơn – Sao Vàng và đường TL 512. Quy mô diện tích khoảng 4,1 ha. Bố trí thành khu tập trung, xây dựng đầy đủ hạ tầng phục vụ phát triển thương mại, dịch vụ, là trung tâm giao thương, buôn bán và kết nối của toàn thể nhân dân trong xã, người lao động từ các cụm công nghiệp và các khu vực lân cận.

c) Định hướng khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

*** Khu vực phía Bắc đường TL 525 (thôn Nga Long):**

- Diện tích: 13,0ha;

- Chức năng chính: Trồng lúa ứng dụng công nghệ cao.

*** Khu vực phía Tây Kênh N6 (thôn Nga Long):**

- Diện tích: 35,0ha;

- Chức năng chính: Trồng lúa NS CLC và các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

*** Khu vực phía Đông Kênh N6 (thôn Thọ Long):**

- Diện tích: 74,0ha;

- Chức năng chính: Trồng lúa NS CLC và các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

* *Khu vực phía Tây Kênh N6 (thôn Vĩnh Quang):*

- Diện tích: 46,0ha;

- Chức năng chính: Trồng lúa NS CLC và các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

* *Khu vực phía Đông Kênh N6 (thôn Vĩnh Quang):*

- Diện tích: 42,0ha;

- Chức năng chính: Trồng lúa NS CLC và các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

* *Khu vực dọc hai bên đường TL 512 (thôn Nguyễn Phú Lâm):*

- Diện tích: 23,0ha;

- Chức năng chính: Trồng lúa NS CLC và các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

* *Khu vực trồng rau an toàn, cây dược liệu (thôn Nguyễn Phú Lâm):*

- Diện tích: Khoảng 26,7ha;

- Chức năng chính: Trồng rau an toàn, cây dược liệu công nghệ cao.

* *Khu vực trang trại tổng hợp (phía Đông đường Cửu hộ đi Tượng Văn, giáp Đê sông Thị Long):*

- Diện tích: 18,0ha;

- Chức năng chính: Phát triển trang trại tổng hợp.

* *Khu vực nuôi trồng thủy sản (ngoại Đê sông Thị Long):*

- Diện tích: 97,6ha;

- Chức năng chính: Nuôi trồng thủy sản tập trung.

* *Khu vực trồng, bảo vệ và chăm sóc rừng:*

Tổng diện tích khoảng 137,16 ha, tập trung công tác trồng rừng và phát triển các mô hình nông, lâm kết hợp, chăn nuôi đại gia súc: mô hình V-A-C; mô hình nuôi ong; mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng...

e) *Định hướng phát triển các công trình công cộng, dịch vụ:*

STT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Nhu cầu quy hoạch đến năm 2030				
		Vị trí	DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Diện tích QH đến 2030 (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
I	Công trình trong Khu trung tâm xã							
1	Công sở UBND xã	Thôn Thọ Long	4.657	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	4.657	1-3	≤40	≥20
2	Nhà văn hoá đa	Nằm trong		Giữ nguyên quy mô	0			

STT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Nhu cầu quy hoạch đến năm 2030				
		Vị trí	DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Diện tích QH đến 2030 (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
	năng	UBND xã		diện tích, vị trí				
3	Tượng đài liệt sỹ	Thôn Thọ Long	2.035.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	2.035	1-2	≤15	≥30
4	Bưu điện văn hoá xã	Thôn Thọ Long	257.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	257	1-3	≤70	≥10
5	Trạm y tế xã	Thôn Thọ Long	2.939.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	2.939	1-3	≤40	≥30
6	Trường mầm non	Thôn Thọ Long	4.741.0	Mở rộng về phía sau 1689 m ²	6.430	1-3	≤40	≥30
7	Trường tiểu học	Thôn Thọ Long	11.715.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	11.715.0	1-3	≤40	≥30
8	Trường THCS	Thôn Thọ Long	7.280.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	7.280.0	1-3	≤40	≥30
9	Sân vận động trung tâm xã	Thôn Thọ Long	3.808.0	Quy hoạch mới ở vị trí phía sau UBND	18.567			
10	Trung tâm TM	Thôn Thọ Long		QH mới tại vị trí phía Nam kênh tiêu Đ. Sắt đi cống 3 cửa	16.000	1-3	≤40	≥10
11	Hạ tầng viễn thông thụ động	04 TPS: Thôn Thọ Long (2), Nguyễn Phú Lâm (1), Nga Long (1)		Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí				
12	Trụ sở Công an xã	Thôn Thọ Long		QH mới tại vị trí phía Tây UBND xã	2.000	1-3	≤40	≥30
13	Trụ sở BCH Quân sự xã	Thôn Thọ Long		QH mới tại vị trí giáp C.A xã	1.800	1-3	≤40	≥30
14	HTX DVNN	Thôn Thọ Long		Phía sau Đài TNLS	1.800	1-3	≤40	≥30
15	HTX DV TTCN	Thôn Thọ Long		Phía sau Đài TNLS	1.400	1-3	≤40	≥30
II	Công trình ngoài khu trung tâm							
1	Khu văn hoá, thể thao thôn							
-	Nhà văn hoá	Thôn Nguyễn Phú Lâm	3.009.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	3.009	1	≤30	≥40
-	Sân thể thao	Thôn Nguyễn Phú Lâm	5.857.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	5.857	1	≤30	≥40
-	Nhà văn hoá	Thôn Vĩnh Quang	3.377.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	3.377	1	≤30	≥40
-	Sân thể thao	Thôn Vĩnh Quang	7.321.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	7.321	1	≤30	≥40
-	Nhà văn hoá	Thôn Thọ	500.0	Giữ nguyên quy mô	500	1	≤30	≥40

STT	Tên công trình	Hiện trạng năm 2020		Nhu cầu quy hoạch đến năm 2030				
		Vị trí	DT đất (m ²)	Định hướng quy hoạch	Diện tích QH đến 2030 (m ²)	Tầng cao	Mật độ XD (%)	Diện tích cây xanh (%)
		Long		diện tích, vị trí				
-	Sân thể thao	Thôn Thọ Long	2.500.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	2.500	1	≤30	≥40
-	Nhà văn hoá	Thôn Nga Long	500.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	500	1	≤30	≥40
-	Sân thể thao	Thôn Nga Long	2.504.0	Giữ nguyên quy mô diện tích, vị trí	2.504	1	≤30	≥40

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

a. Hệ thống giao thông nội đồng:

Quy hoạch mới 4 tuyến đường giao thông nội đồng nhằm phục vụ nhu cầu đi lại sản xuất của người dân. Cụ thể:

Đến năm 2030 nâng cấp 4 tuyến đường trục chính nội đồng với chiều dài 4.214m; loại đường BT mặt, bao gồm:

- Tuyến đường từ đường sắt đi xã Tượng Văn với 1.690m;
- 2 Tuyến đường nối Vĩnh Quang đi Thọ Long với chiều dài lần lượt là 636m và 1.027m;
- Tuyến đường nội đồng thôn Nguyễn Phú Lâm dài 861m.

b. Hệ thống kênh mương, hồ đập, cầu cống: Thủy lợi là khâu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng.

Cơ bản giữ nguyên hệ thống kênh mương theo hiện trạng, kiên cố hóa, nâng cấp tu bổ, nạo vét hệ thống kênh mương chính của xã. Xây dựng các công trình thủy lợi theo Công văn số 1899/UBND-NN ngày 21/10/2019 của UBND huyện Nông Cống về báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất kế hoạch đầu tư về phương án quy hoạch Thủy lợi tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã gửi Sở Nông nghiệp và PTNT cập nhật tích hợp. Trong đó, xã Tượng Lĩnh thuộc Vùng IV- Nông Cống, Tiểu vùng tiêu Sông Mực - Bắc thị Long. Theo đó, giai đoạn quy hoạch đến năm 2030, dự kiến nâng cấp tuyến kênh mương chính sau:

Định hướng phát triển hệ thống thủy lợi xã Tượng Lĩnh đến năm 2030

T	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Chức năng (tưới/tiêu)	Định hướng quy hoạch
I	Trạm bơm	trạm			
1	Trạm bơm Vĩnh Quang	m ³ /h	1.000	Tưới	
II	Kênh do Công ty MTV Sông Chu quản lý	m	4800,0		
1	Kênh N4	m	2500,0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ

2	Kênh N6	m	2300,0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
III	Kênh xã quản lý	m	3150,0		
1	Kênh Đồng khoai	m	800,0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
2	Kênh từ N4 đi Vĩnh Lại	m	2200,0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
3	Kênh Còn Sang	m	150,0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
IV	Hệ thống kênh chính nội đồng	m	10760,0		
1	Kênh Hàng Dừa N. Sơn	m	700,0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
2	Kênh Đầm Trối	m	2200,0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
3	Kênh từ Đập Đồng Vền đến Đá Mò	m	1500,0	Tưới + Tiêu	XD mới
4	Kênh Đồng Học	m	2320,0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
5	Kênh Còn Lớn	m	490,0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
6	Kênh từ Nam Sông Mực đến N4	m	2750,0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
7	Kênh từ Kênh chống úng đến làng Long Vực	m	800,0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

Trên cơ sở hệ thống giao thông hiện có và định hướng phát triển mạng lưới giao thông của huyện, tổ chức mạng lưới giao thông mạng ô cờ, lấy trục đường Nghi Sơn – Sao Vàng làm hạt nhân kết nối với các tuyến đường TL 525 ở phía Bắc và tuyến đường TL 512 ở phía Nam. Trục Đông – Tây có tuyến đường trục xã nối từ TL 512 đi Đê sông Thị Long, kết nối với tuyến đường Đê và đường cứu hộ đi Tượng Văn.

a. Hệ thống giao thông đối ngoại.

* Đường tỉnh:

Tuân thủ Quyết định số: 3227/QĐ-UBND ngày 29/08/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh hóa về việc “Phê duyệt điều chỉnh tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”:

- Đường Nghi Sơn – Sao Vàng: Đoạn qua địa bàn xã dài 3,12 km hiện đang được thi công giai đoạn I. Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 dự kiến xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường. Quy mô đạt đường cấp II. Mặt cắt: Lòng đường: 13,5m x 2; phân cách giữa 3,0 m; hành lang giao thông 26m x 2; lộ giới 82,0m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường tỉnh lộ 512: Đoạn qua địa bàn xã dài 1,55 km. Quy mô đường cấp III. Mặt cắt: Lòng đường 6,0m x 2; hành lang giao thông 15,0m x 2; lộ giới 42,0m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường tỉnh lộ 525: Đoạn qua địa bàn xã dài 0,88 km. Quy mô đường cấp III. Mặt cắt: Lòng đường 6,0m x 2; hành lang giao thông 15,0m x 2; lộ giới 42,0m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

* Đường huyện:

Trên cơ sở hiện trạng hệ thống giao thông và không gian kết nối của xã, nâng cấp, mở rộng tuyến đê tả sông Thị Long (đê cấp III) thành đường huyện với

chiều dài 2,59km từ Tượng Sơn đi Tượng Văn có bề rộng mặt đê $B = 5\text{m}$; hành lang bảo vệ 10,0 m mỗi bên.

Bên cạnh đó, nâng cấp thành đường huyện các tuyến đường sau:

- Đường cứu hộ đi Tượng Văn, chiều dài 376m. Mặt cắt: Lòng đường 9,0m; hành lang giao thông 10,0m x 2; lộ giới 29,0m.

- Xây dựng mới tuyến đường từ TL 525 đi TLM 2, chiều dài 366m. Mặt cắt: Lòng đường 9,0m; hành lang giao thông 10,0m x 2; lộ giới 29,0m.

b. Hệ thống giao thông đối nội.

* Đường xã: Do đặc điểm phân bố dân cư ở tại các thôn, vì vậy việc phân định các loại đường theo quy định như các tuyến trục xã, liên xã, trục thôn, liên thôn chỉ mang tính chất tương đối trên cơ sở các tuyến giao thông đã hình thành và phát triển qua nhiều đời nay. Tùy vào điều kiện cụ thể từng khu vực để nâng cấp mở rộng tuyến cho phù hợp, Quy mô đường cấp A-GTNT.

Nâng cấp các tuyến đường sau:

- Tuyến 1: Đường nối TL512 đến Đê sông Thị Long, dài 2,6km, dự kiến nâng cấp, mở rộng đạt mặt cắt ngang: Lòng đường 7,5m; nền đường 10,5m;

+ Tuyến 2: Đường nối TL 525 đi Đê sông Thị Long, dài 2,62km, dự kiến nâng cấp, mở rộng đạt mặt cắt ngang: Lòng đường 7,5m; nền đường 10,5m;

+ Tuyến 3: Đường nối TL 515 đi thôn Nhuyễn Phú Lâm, dài 662,0m, dự kiến nâng cấp, mở rộng đạt mặt cắt ngang: Lòng đường 7,5m; nền đường 10,5m;

+ Tuyến 4: Đường trục xã đi thôn Nga Long, dài 2,34 km, dự kiến nâng cấp, mở rộng đạt mặt cắt ngang: Lòng đường 7,5m; nền đường 10,5m.

* Đường thôn: Nâng cấp, mở rộng 4 tuyến đường trục chính, tổng chiều dài 4,23km. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Quy mô đường cấp B-GTNT theo TCVN 10380:2014. Mặt cắt điển hình: Lòng đường 4,5m; lề đường (đoạn qua khu dân cư là Vía hè) 2 x 1,0m; lộ giới 6,0m.

Trong đó, tập trung đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính sau:

- Đường trục xã đi thôn Thọ Long, dài 777m;

- Đường Sắt đi Đê sông Thị Long, dài 2,35km;

- Đường trục xã đi đê sông Thị Long, dài 419m;

- Đường từ Đập Đồng Vền đi thôn Nhuyễn Phú Lâm, dài 685m.

* Đường nội đồng: Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Quy mô đường cấp C-GTNT. Mặt cắt ngang tối thiểu: Lòng đường 3,0m; lề đường 2 x 1,0m; lộ giới 5,0m.

6.2.2. Cấp điện.

Hiện trạng trên địa bàn xã có 4 trạm biến áp tổng công suất 1.120 KVA. Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện đến năm 2030, dự kiến nâng cấp 3 trạm biến

áp tại thôn Nguyễn Phú Lâm, Nga Long và Vĩnh Quang với công suất 3 trạm là 250 (KVA).

6.2.3. Hạ tầng viễn thông thụ động

Giữ nguyên so với hiện trạng với 04 TPS: Thôn Thọ Long (2), Nguyễn Phú Lâm (1), Nga Long (1). Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- + Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
- + Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
- + Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;
- + Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

6.2.4. Hệ thống cấp nước.

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước sạch cho tất cả các hộ dân sinh hoạt được dẫn từ nhà máy nước Thăng Thọ đi qua xã Thăng Bình.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế hệ thống cấp nước chính từ trạm cấp nước theo các tuyến giao thông đi tới các thôn xóm trên toàn xã.

- Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước sạch cho tất cả các hộ dân sinh hoạt.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.
- + Tiết diện đường ống chính: D300
- + Tiết diện đường ống phân phối: D200
- + Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước mặt:

Hướng thoát nước tuân thủ theo hướng dốc san nền, toàn bộ lượng nước mưa trong khu vực nghiên cứu thoát ra kênh tiêu trên địa bàn xã chảy vào sông Thị Long. Hệ thống thoát nước có các đường ống đặt ở hai bên vỉa hè theo tuyến

đường quy hoạch, vị trí các hố ga đặt sát mép vỉa hè, khoảng cách các hố ga và giếng thăm là 30m. Các đường cũ được cải tạo mở rộng, nếu có mương tưới tiêu bên cạnh sẽ được di chuyển sang bên cạnh đường mới để giữ nguyên hướng tưới tiêu chính mà không ảnh hưởng tới các công trình khác. Tất cả các thiết bị của hệ thống thoát nước đều làm bằng bê tông cốt thép.

Riêng với khu trung tâm xã, hệ thống thoát nước làm bằng cống tròn BTCT, chôn ngầm dưới đường giao thông của khu. Đối với các kênh mương có kích thước nhỏ tốt nhất lên thay bằng cống hộp để dòng chảy ổn định hơn, tránh thấm nước và phá vỡ hệ thống đường giao thông.

b. Thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Tượng Lĩnh sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thẫu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

c. Quy hoạch nghĩa trang:

Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân.

Về lâu dài các nghĩa trang nhỏ lẻ trong xã sẽ đóng cửa, đồng thời chỉnh trang, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường;

Định hướng trong kỳ quy hoạch sử dụng 4 nghĩa trang nhân dân chính tại các thôn; cách khu dân cư hiện hữu tối thiểu 300m; xây dựng quy chế quản lý và sử dụng các khu nghĩa trang để đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, an toàn và không gây ô nhiễm môi trường, không làm mất mỹ quan. Quy hoạch mở rộng các nghĩa trang như sau:

Dự kiến mở rộng nghĩa trang thôn Thọ Long với quy mô diện tích mở rộng 0,83 ha. Thời gian tới cần chỉnh trang cảnh quan, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

7. Quy hoạch sử dụng đất.

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Nông Công và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

Bảng 1: Công trình, dự án theo phân kỳ giai đoạn sử dụng đất đến năm 2030

STT	Tên công trình dự án trong Quy hoạch	Ký hiệu ô đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm thôn	Năm thực hiện
1	Khu công nghiệp Tượng Lĩnh - Thăng Bình - Trường Minh	SKK-01, SKK-02	47,78	Thôn Nga Long, thôn Lý Đông, thôn Lý Bắc, thôn Thái Lai, thôn Đặng Đồi	2021-2025
2	Cụm công nghiệp Tượng Lĩnh - Thăng Bình	SKN-01	9,86	Thôn Nga Long	2021-2025
3	Mở rộng nghĩa địa	NTD-01	0,83	Thôn Thọ Long	2021-2030
4	Khu dân cư nông thôn	OM-01	8,1	Thôn Nga Long	2022-2030
5	Khu thương mại dịch vụ	TMD-01	1,61	Thôn Thọ Long	2021-2025
6	Khu dân cư nông thôn	OM-02	3,76	Thôn Thọ Long	2021-2025
7	Quy hoạch trang trại khu Đồng Ngang	NKH-01	1,15	Thôn Thọ Long	2021-2030
8	Quy hoạch trang trại	NKH-01	11,77	Thôn Thọ Long, thôn Vĩnh Quang	2021-2030
9	Quy hoạch trang trại	NKH-02	5,94	Thôn Thọ Long, thôn Vĩnh Quang	2021-2030
10	Quy hoạch khu nuôi trồng thủy sản khu Đồng Ngang	NTS-01	97,60	Thôn Thọ Long, thôn Vĩnh Quang	2021-2030
11	Quy hoạch trụ sở công an xã	CAN-01	0,20	Thôn Thọ Long	2021-2025
12	Quy hoạch trụ sở của Ban chỉ huy Quân sự xã	CQP-01	0,18	Thôn Thọ Long	2021-2030
13	Quy hoạch sân vận động trung tâm xã	DTT-01	0,83	Thôn Thọ Long	2021-2025
14	Mở rộng trường Mầm non	DGD-01	0,18	Thôn Thọ Long	2021-2030
15	Khu thương mại dịch vụ	TMD-02, TMD-03	4,10	Thôn Nhuyễn Phú Lâm	2021-2025
16	Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp	SKS-01	47,86	Thôn Nhuyễn Phú Lâm	2021-2030
17	Quy hoạch khu rau an toàn và cây dược liệu	RAT-01	10,51	Thôn Nhuyễn Phú Lâm	2021-2025
18	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh	SKC-01	0,91	Thôn Nhuyễn Phú Lâm	2021-2025
19	Quy hoạch trụ sở HTX dịch vụ nông nghiệp	DTS-01	0,18	Thôn Thọ Long	2021-2030
20	Quy hoạch trụ sở HTX tiêu thụ công nghiệp	DTS-02	0,14	Thôn Thọ Long	2021-2030
21	Quy hoạch vùng sản xuất rau công nghệ cao	RCNC-01, RCNC-02, RCNC-03	16,24	Thôn Nhuyễn Phú Lâm	2021-2025

Bảng 2: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch năm 2025		Quy hoạch năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		860,75	100,00	860,75	100,00	860,75	100,00
1	Đất nông nghiệp		640,55	74,42	614,60	71,40	537,51	62,45
1.1	Đất trồng lúa	LUA	389,10	45,20	357,88	41,58	230,52	26,78
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14,91	1,73	13,11	1,52	2,82	0,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	66,39	7,71	65,52	7,61	64,57	7,50
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	137,16	15,93	137,16	15,93	89,30	10,37
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	32,99	3,83	32,99	3,83	130,59	15,17
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH			7,94	0,92	19,71	2,29
2	Đất xây dựng		157,87	18,34	185,92	21,60	300,39	34,90
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	28,96	3,36	36,38	4,23	40,14	4,66
2.2	Đất công cộng		5,35	0,62	5,90	0,69	5,90	0,69
-	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,47	0,05	0,47	0,05	0,47	0,05
-	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS			0,32	0,04	0,32	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	2,25	0,26	2,25	0,26	2,25	0,26
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH						
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,29	0,03	0,29	0,03	0,29	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	2,16	0,25	2,33	0,27	2,33	0,27
-	Đất chợ	DCH						
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,15	0,02	0,21	0,02	0,21	0,02
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,03	0,00	0,03	0,00	0,03	0,00
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao		2,94	0,34	4,42	0,51	4,42	0,51
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,94	0,34	4,42	0,51	4,42	0,51
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV						
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền		0,14	0,02	0,14	0,02	0,14	0,02
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT						
-	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,09	0,01	0,09	0,01	0,09	0,01
-	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05	0,01	0,05	0,01	0,05	0,01
2.5	Đất tiêu thụ công nghiệp và làng nghề		2,04	0,24	2,95	0,34	60,59	7,04
-	Đất khu công nghiệp	SKK					47,78	5,55
-	Đất khu chế xuất	SKT						
-	Đất cụm công nghiệp	SKN					11,90	1,38

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch năm 2025		Quy hoạch năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,04	0,24	2,95	0,34	0,91	0,11
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng						47,86	5,56
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					47,86	5,56
-	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX						
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác		0,07	0,01	3,55	0,41	5,77	0,67
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH						
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,07	0,01	3,55	0,41	5,77	0,67
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật		118,37	13,75	132,20	15,36	135,19	15,71
-	Đất giao thông	DGT	79,76	9,27	92,76	10,78	98,51	11,44
-	Đất thủy lợi	DTL	20,06	2,33	20,06	2,33	20,06	2,33
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA						
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	18,55	2,16	19,38	2,25	16,62	1,93
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất							
2.10	Đất quốc phòng	CQP			0,18	0,02	0,18	0,02
2.11	Đất an ninh	CAN			0,20	0,02	0,20	0,02
3	Đất khác		62,33	7,24	60,23	7,00	22,85	2,65
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	6,81	0,79	6,81	0,79	6,81	0,79
3.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	26,61	3,09	25,11	2,92	4,78	0,56
3.3	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3.4	Đất chưa sử dụng	CSD	28,91	3,36	28,31	3,29	11,26	1,31

8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật:

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

8.2. Các dự án hạ tầng xã hội:

- Dự án xây dựng mới các công trình nhà văn hóa – thể dục thể thao thôn;
- Dự án Khu trung tâm văn hoá thể thao sân vận động xã;

- Dự án xây dựng trường học;
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy quân sự; Chợ;
- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn.

8.3. Các dự án về sản xuất:

- Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ các khu vực sản xuất (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, môi trường,...)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân xã Tượng Lĩnh có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Tượng Lĩnh tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Tượng Lĩnh và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lợi Đức